TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 189/2026/HNGĐ-ST Ngày 28 – 5 - 2026 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2026/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: ấp TP B, xã TAK, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trần Thanh T, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: ấp TP B, xã TAK, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Huỳnh Hoàng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, thành phố Cà Mau (nay là phường Hòa Thành, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cách sống, hay cải nhau dẫn đến xung đột tình cảm. Mặc dù anh đã nhiều lần hàn gắn, nhưng vẫn không thành. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Chị Trần Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như anh N trình bày là đúng. Nay chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Huỳnh Hoàng N khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với chị Trần Thanh T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị T đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N, chị T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2018, anh N với chị T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh N với chị T được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh N và với chị Thoảng thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là "Thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cách sống, hay cải nhau dẫn đến xung đột tình cảm". Nay anh N yêu cầu ly hôn, nhưng chị T không đồng ý. Xét thấy: Chị T là người không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng đoàn tụ với anh N, nhưng chị không có giải pháp gì để thiết phục anh N đoàn tụ. Đồng thời, anh N xác định không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với chị T, không còn tình cảm hay tình thương, anh cương quyết xin ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa anh Nam với chị Thoảng đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xãy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét về con chung, về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh N, chị T xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Hoàng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Huỳnh Hoàng N được ly hôn với chị Trần Thanh T.

2. Về án phí dân sự: Anh Huỳnh Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003168 ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; anh Huỳnh Hoàng N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- Ủy ban nhân dân phường Hòa Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh